TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-PT
Ngày: 08-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khánh Hùng**

Các Thẩm phán: 1- Ông **Mai Thiện Kế**

2- Ông **Phạm Hùng Nuôi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Thúy Duy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Nghiệp** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 267/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1950, địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh S (có mặt).

3. *Người làm chứng*:

3.1 Bà **Trịnh Thị Hồng C**, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S (vắng mặt).

3.2 Bà **Lê Thanh T1**, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S (vắng mặt).

3.3 Bà **Huỳnh Thị Huyền T2**, sinh năm 1969, địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S (vắng mặt).

3.4 Bà **Huỳnh Thị Đ**, địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh S (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T có tham gia một dây hụi do bà Huỳnh Thị Huyền T2 làm chủ hụi. Khi bà hốt dây hụi này của bà T2 được 30.000.000 đồng thì bà X có hỏi mượn số tiền hụi này của bà và bà đồng ý. Dây hụi này còn 15 lần nữa mới mãn. Lúc giao số tiền hụi này cho bà X mượn thì bà, bà X và bà T2 cùng có mặt ở quán bà N. Bà T2 trực tiếp đưa số tiền hụi 30.000.000 đồng này cho bà X, không có làm biên nhận nhận tiền. Tại quán này có bà Lê Thanh T1 (ở gần cầu C) chứng kiến. Khi nhận số tiền hụi này về bà X có đến trả cho bà Trịnh Thị Hồng C (gần nhà bà X) 10.000.000 đồng và có nói với bà C mượn tiền hụi của bà T để trả cho bà C. Sau khi cho bà X mượn tiền hụi, bà T còn đóng thêm 15 lần hụi chết, mỗi lần đóng hụi chết thì hụi viên kêu giá bao nhiêu thì bà X đóng, số còn lại bà đóng. Bà T trực tiếp gom tiền hụi của bà X chứ bà X không có đóng trực tiếp cho bà T2. Bà X đóng hụi đầy đủ cho đến lần khui cuối thì toàn bộ bà T đóng. Bà X hứa đến khi mãn hụi ngày 15/7/2016 âl, sẽ trả tiền lại tiền hụi, nhưng đến nay bà X không trả. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho bà số tiền hụi là 30.000.000 đồng nêu trên. Bà chỉ cho bà X mượn số tiền hụi 30.000.000 đồng này, ngoài ra không có cho bà X vay khoản tiền nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Từ trước tới nay bà không có mượn tiền hốt hụi của bà T. Bà Huỳnh Thị Huyền T2 cũng không có giao số tiền hụi nào của bà T cho bà. Bà X chỉ có vay của bà T 5.000.000 đồng vào ngày 02- 03/01/2015 âl, tại quán bà N, không có làm giấy tờ, có nhiều người hiểu biết nhưng nay họ đã bỏ địa phương đi. Bà có đóng lời hàng ngày cho bà T là 50.000 đồng, đóng được 20 tháng thì bà không đóng nữa do không có khả năng. Do đó, hiện bà chỉ còn nợ bà T là 5.000.000 đồng tiền vốn vay và lãi vay cho đến nay. Nay bà T khai không có cho bà vay tiền thì bà không đồng ý trả số tiền vay này cho bà T như bà đã thừa nhận.Trước đây bà có mượn của bà T 1.000.000 đồng và bà đã trả xong. Ngoài ra bà không có giao dịch với bà T khoản tiền nào khác. Còn việc bà T khai bà có mượn tiền hốt hụi của bà T 30.000.000 đồng là không đúng, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số số 69/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 26, 27, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, về án phí, lệ phí

Tòa án năm 2016; Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả số tiền hụi là 30.000.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T tiền hụi 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị X còn phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017, bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng triệu tập đầy đủ người làm chứng, cho phép đối chất trước Tòa để làm sáng tỏ vấn đề và yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về tố tụng**:

Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị T thừa nhận là phần hụi mà bà tham gia chơi trong dây hụi do bà Huỳnh Thị Huyền T2 làm chủ, bà đã hốt và bà T2 đã giao tiền cho bà và bà đã nhận số tiền này sau đó đưa cho bà Nguyễn Thị X mượn, nay bà yêu cầu bà X trả số tiền này cho bà. Bị đơn bà X thừa nhận là có mượn tiền bà của bà T với số tiền là 5.000.000 đồng. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay mượn tiền giữa các bên đương sự, không phải tranh chấp Hợp đồng góp hụi như bản án sơ thẩm đã xác định. Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" để đưa ra giải quyết theo qui định của pháp luật.

[**2**] **Về nội dung**:

Tại phiên tòa nguyên đơn T cho rằng trong lần khui hụi thứ 15 nguyên đơn hốt phần hụi trong dây hụi có 29 người tham gia (*tương đương 29 phần hụi*), dây hụi này do bà Huỳnh Thị Huyền T2 làm chủ, dây hụi này bà không nhớ bắt đầu

khui vào tháng, năm nào nhưng bà nhớ ngày khui là ngày 10 (âm lịch) và ngày kết thúc là ngày 10/7/2016 (âm lịch). Khi hốt hụi được số tiền bao nhiêu bà cũng không nhớ, khi hốt phần hụi này bà X hỏi mượn của bà toàn bộ phần hụi này, bà đồng ý và tại quán nước của bà N bà đã nhận và giao toàn bộ số tiền hốt hụi này cho bà X. Phần trình bày này của bà T phù hợp với phần trình bày của các nhân chứng là Huỳnh Thị Huyền T2 (chủ hụi) và các bà Huỳnh Thị Đ, bà Trịnh Thị Hồng C về số lượng hụi viên, phần hụi. Còn về lần hốt hụi, số tiền hốt hụi được bao nhiêu các nhân chứng đều không nhớ và cũng không xác định được. Các nhân chứng là bà Đ và bà C không biết việc bà T có thỏa thuận và cho bà X mượn tiền như thế nào, số tiền mượn là bao nhiêu.

Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không có chứng cứ nào chứng minh cho việc bà cho bà X mượn số tiền 30.000.000 đồng, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của các nhân chứng là bà T2, bà Thúy nhưng những lời khai của những người này cũng không xác định được bà T hốt hụi vào lần thứ mấy, nhận được tổng số tiền hụi là bao nhiêu, trên thực tế chính bà T và các nhân chứng đều thừa nhận dây hụi này chỉ có 29 phần hụi, nếu hốt vào lần cuối cùng kể cả phần hụi của người cuối cùng phải đóng vào mới được 29.000.000 đồng, nhưng phải trừ tiền huê hồng cho chủ hụi 400.000 đồng nên cũng không được nhận đủ 29.000.000 đồng; tại phiên tòa bà T thừa nhận ngoài số tiền hụi bà T2 giao, bà không đưa thêm số tiền nào cho bà X nữa. Như vậy cấp sơ thẩm buộc bị đơn là bà X phải trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) là chưa đủ cơ sở.

Tại phiên tòa bị đơn là bà X thừa nhận bà chỉ vay của bà T số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này hiện nay bà chưa trả cho bà T. Đối với số tiền hụi vay là 30.000.000 đồng như bà T trình bày bà không thừa nhận. Mặc dù việc vay mượn số tiền 5.000.000 đồng như bà X trình bày không có chứng cứ gì chứng minh, nhưng sự thừa nhận một phần nợ trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà bị đơn thừa nhận trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận việc bà X có vay và hiện còn nợ bà T số tiền 5.000.000 đồng là sự thật.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị X có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có sơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về phần lãi suất đối với số tiền vay.

[**3**] **Về án phí**: Do kháng cáo của bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận và bản án sơ thẩm bị sửa nên về phần án phí sơ thẩm cũng bị sửa, án phí phúc thẩm bị đơn X không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Knhư sau:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị X trả số tiền vay. Buộc bà Nguyễn Thị X trả cho bà Lê Thị T tổng số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn thì bà X còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T phải chịu 1.250.000 đồng đối với yêu cầu không được chấp nhận. Bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007608 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà T còn phải nộp thêm số tiền 500.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà X số tiền 300.000 đồng mà bà X đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0009297 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Khánh Hùng